



Ký bởi: ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ HỒNG  
PHONG  
Cơ quan: ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH  
LẠNG SƠN

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**DANH SÁCH**  
**Công khai hồ sơ đăng ký đất đai**  
*(Kèm theo thông báo niêm yết số 78a/TB-UBND ngày 26 tháng 8 năm 2026)*

| Số TT | Tên người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất | Địa chỉ thường trú                       | Địa chỉ thửa đất                         | Tờ bản đồ số | Thửa đất số | Diện tích đất (m <sup>2</sup> ) | Thời điểm sử dụng đất | Nguồn gốc sử dụng đất | Hiện trạng sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất | Thời điểm tạo lập tài sản gắn liền với đất | Tình trạng tranh chấp | Sự phù hợp với quy hoạch |
|-------|------------------------------------------------------------|------------------------------------------|------------------------------------------|--------------|-------------|---------------------------------|-----------------------|-----------------------|--------------------------------------------------|--------------------------------------------|-----------------------|--------------------------|
| 1     | Hoàng Văn Hóa                                              | Thôn Nà Ma, xã Hồng Phong, tỉnh Lạng Sơn | Thôn Nà Ma, xã Hồng Phong, tỉnh Lạng Sơn | 211          | 101         | 201                             | Trước năm 1980        | Cha ông để lại        | Đất chuyên trồng lúa                             |                                            | Không có tranh chấp   |                          |
|       |                                                            |                                          |                                          | 211          | 102         | 168                             | Trước năm 1980        | Cha ông để lại        | Đất chuyên trồng lúa                             |                                            | Không có tranh chấp   |                          |
|       |                                                            |                                          |                                          | 211          | 119         | 762                             | Trước năm 1980        | Cha ông để lại        | Đất trồng lúa còn lại                            |                                            | Không có tranh chấp   |                          |
|       |                                                            |                                          |                                          | 211          | 171         | 209                             | Trước năm 1980        | Cha ông để lại        | Đất trồng lúa còn lại                            |                                            | Không có tranh chấp   |                          |
|       |                                                            |                                          |                                          | 211          | 97          | 169                             | Trước năm 1980        | Cha ông để lại        | Đất chuyên trồng lúa                             |                                            | Không có tranh chấp   |                          |
|       |                                                            |                                          |                                          | 211          | 99          | 592                             | Trước năm 1980        | Cha ông để lại        | Đất chuyên trồng lúa                             |                                            | Không có tranh chấp   |                          |
| 2     | Hứa Thành Huân                                             | Thôn Nà Ma, xã Hồng Phong, tỉnh Lạng Sơn | Thôn Nà Ma, xã Hồng Phong, tỉnh Lạng Sơn | 184          | 26          | 57                              | Trước năm 1980        | Cha ông để lại        | Đất trồng lúa còn lại                            |                                            | Không có tranh chấp   |                          |
|       |                                                            |                                          |                                          | 184          | 27          | 106                             | Trước năm 1980        | Cha ông để lại        | Đất trồng lúa còn lại                            |                                            | Không có tranh chấp   |                          |
|       |                                                            |                                          |                                          | 184          | 28          | 163                             | Trước năm 1980        | Cha ông để lại        | Đất trồng lúa còn lại                            |                                            | Không có tranh chấp   |                          |
|       |                                                            |                                          |                                          | 184          | 29          | 41                              | Trước năm 1980        | Cha ông để lại        | Đất trồng lúa còn lại                            |                                            | Không có tranh chấp   |                          |
|       |                                                            |                                          |                                          | 184          | 30          | 109                             | Trước năm 1980        | Cha ông để lại        | Đất trồng lúa còn lại                            |                                            | Không có tranh chấp   |                          |
|       |                                                            |                                          |                                          | 184          | 32          | 238                             | Trước năm 1980        | Cha ông để lại        | Đất trồng lúa còn lại                            |                                            | Không có tranh chấp   |                          |
|       |                                                            |                                          |                                          | 185          | 50          | 20                              | Trước năm 1980        | Cha ông để lại        | Đất trồng cây hàng năm khác                      |                                            | Không có tranh chấp   |                          |
|       |                                                            |                                          |                                          | 185          | 7           | 515                             | Trước năm 1980        | Cha ông để lại        | Đất trồng cây hàng năm khác                      |                                            | Không có tranh chấp   |                          |

|   |                  |                                          |                                          |     |     |     |                |                |                                       |          |                     |  |
|---|------------------|------------------------------------------|------------------------------------------|-----|-----|-----|----------------|----------------|---------------------------------------|----------|---------------------|--|
| 3 | Hoàng Thị Len    | Thôn Nà Ma, xã Hồng Phong, tỉnh Lạng Sơn | Thôn Nà Ma, xã Hồng Phong, tỉnh Lạng Sơn | 220 | 221 | 18  | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất chuyên trồng lúa                  |          | Không có tranh chấp |  |
|   |                  |                                          |                                          | 226 | 15  | 54  | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất trồng cây hàng năm khác           |          | Không có tranh chấp |  |
|   |                  |                                          |                                          | 226 | 26  | 64  | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất trồng cây hàng năm khác           |          | Không có tranh chấp |  |
|   |                  |                                          |                                          | 226 | 43  | 853 | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất ở tại nông thôn                   | Năm 2001 | Không có tranh chấp |  |
|   |                  |                                          |                                          | 226 | 45  | 960 | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất trồng cây hàng năm khác           |          | Không có tranh chấp |  |
| 4 | Phùng Văn Nguyên | Thôn Nà Ma, xã Hồng Phong, tỉnh Lạng Sơn | Thôn Nà Ma, xã Hồng Phong, tỉnh Lạng Sơn | 220 | 112 | 26  | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất chuyên trồng lúa                  |          | Không có tranh chấp |  |
|   |                  |                                          |                                          | 220 | 114 | 99  | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất trồng lúa còn lại                 |          | Không có tranh chấp |  |
|   |                  |                                          |                                          | 220 | 153 | 56  | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất trồng cây hàng năm khác           |          | Không có tranh chấp |  |
|   |                  |                                          |                                          | 220 | 154 | 27  | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất trồng cây hàng năm khác           |          | Không có tranh chấp |  |
|   |                  |                                          |                                          | 220 | 155 | 87  | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất chuyên trồng lúa                  |          | Không có tranh chấp |  |
|   |                  |                                          |                                          | 220 | 173 | 78  | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất trồng cây hàng năm khác           |          | Không có tranh chấp |  |
|   |                  |                                          |                                          | 220 | 174 | 43  | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất trồng cây hàng năm khác           |          | Không có tranh chấp |  |
|   |                  |                                          |                                          | 220 | 177 | 94  | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất nương rẫy trồng cây hàng năm khác |          | Không có tranh chấp |  |
|   |                  |                                          |                                          | 220 | 179 | 43  | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất trồng cây hàng năm khác           |          | Không có tranh chấp |  |
|   |                  |                                          |                                          | 220 | 181 | 111 | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất trồng cây hàng năm khác           |          | Không có tranh chấp |  |
| 5 | Nông Văn Chung   | Thôn Nà Ma, xã Hồng Phong, tỉnh Lạng Sơn | Thôn Nà Ma, xã Hồng Phong, tỉnh Lạng Sơn | 171 | 162 | 630 | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất chuyên trồng lúa                  |          | Không có tranh chấp |  |
|   |                  |                                          |                                          | 171 | 164 | 230 | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất chuyên trồng lúa                  |          | Không có tranh chấp |  |
| 6 | Hoàng Văn Thắng  | Thôn Nà Ma, xã Hồng Phong, tỉnh Lạng Sơn | Thôn Nà Ma, xã Hồng Phong,               | 220 | 11  | 69  | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất nương rẫy trồng cây hàng năm khác |          | Không có tranh chấp |  |

|    |                |                                          |                                          |     |     |      |                |                |                             |          |                     |  |
|----|----------------|------------------------------------------|------------------------------------------|-----|-----|------|----------------|----------------|-----------------------------|----------|---------------------|--|
|    |                |                                          | tỉnh Lạng Sơn                            | 220 | 20  | 394  | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất ở tại nông thôn         | Năm 1930 | Không có tranh chấp |  |
| 7  | Hứa Văn Nhâm   | Thôn Nà Mạ, xã Hồng Phong, tỉnh Lạng Sơn | Thôn Nà Mạ, xã Hồng Phong, tỉnh Lạng Sơn | 234 | 193 | 232  | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất chuyên trồng lúa        |          | Không có tranh chấp |  |
|    |                |                                          |                                          | 234 | 207 | 860  | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất chuyên trồng lúa        |          | Không có tranh chấp |  |
|    |                |                                          |                                          | 234 | 208 | 380  | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất chuyên trồng lúa        |          | Không có tranh chấp |  |
|    |                |                                          |                                          | 234 | 209 | 275  | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất chuyên trồng lúa        |          | Không có tranh chấp |  |
| 8  | Hoàng Văn Hiền | Thôn Nà Mạ, xã Hồng Phong, tỉnh Lạng Sơn | Thôn Nà Mạ, xã Hồng Phong, tỉnh Lạng Sơn | 211 | 2   | 236  | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất trồng cây hàng năm khác |          | Không có tranh chấp |  |
| 9  | Mỗ Văn Kít     | Thôn Nà Mạ, xã Hồng Phong, tỉnh Lạng Sơn | Thôn Nà Mạ, xã Hồng Phong, tỉnh Lạng Sơn | 192 | 35  | 368  | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất ở tại nông thôn         | Năm 2004 | Không có tranh chấp |  |
| 10 | Hứa Văn Keng   | Thôn Nà Mạ, xã Hồng Phong, tỉnh Lạng Sơn | Thôn Nà Mạ, xã Hồng Phong, tỉnh Lạng Sơn | 240 | 203 | 82   | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất nuôi trồng thủy sản     |          | Không có tranh chấp |  |
|    |                |                                          |                                          | 240 | 176 | 451  | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất ở tại nông thôn         | Năm 1983 | Không có tranh chấp |  |
| 11 | Hứa Văn Khôi   | Thôn Nà Mạ, xã Hồng Phong, tỉnh Lạng Sơn | Thôn Nà Mạ, xã Hồng Phong, tỉnh Lạng Sơn | 192 | 66  | 30   | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất chuyên trồng lúa        |          | Không có tranh chấp |  |
|    |                |                                          |                                          | 192 | 83  | 516  | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất chuyên trồng lúa        |          | Không có tranh chấp |  |
|    |                |                                          |                                          | 214 | 1   | 107  | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất trồng cây hàng năm khác |          | Không có tranh chấp |  |
| 12 | Lý Văn Tiến    | Thôn Nà Mạ, xã Hồng Phong, tỉnh Lạng Sơn | Thôn Nà Mạ, xã Hồng Phong, tỉnh Lạng Sơn | 240 | 15  | 10   | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất trồng cây hàng năm khác |          | Không có tranh chấp |  |
|    |                |                                          |                                          | 240 | 29  | 1013 | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất trồng cây hàng năm khác |          | Không có tranh chấp |  |
|    |                |                                          |                                          | 240 | 4   | 10   | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất trồng cây hàng năm khác |          | Không có tranh chấp |  |
|    |                |                                          |                                          | 240 | 46  | 74   | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất trồng cây hàng năm khác |          | Không có tranh chấp |  |
|    |                |                                          |                                          | 240 | 5   | 16   | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất trồng cây hàng năm khác |          | Không có tranh chấp |  |
| 13 | Chu Văn Tô     | Thôn Nà Mạ, xã Hồng Phong, tỉnh Lạng Sơn | Thôn Nà Mạ, xã Hồng Phong,               | 226 | 75  | 31   | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất trồng cây hàng năm khác |          | Không có tranh chấp |  |

|    |               |                                          |                                          |     |     |     |                |                |                             |  |                     |  |
|----|---------------|------------------------------------------|------------------------------------------|-----|-----|-----|----------------|----------------|-----------------------------|--|---------------------|--|
|    |               |                                          | tỉnh Lạng Sơn                            | 226 | 80  | 440 | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất trồng lúa còn lại       |  | Không có tranh chấp |  |
| 14 | Chu Đức Chính | Thôn Nà Mạ, xã Hồng Phong, tỉnh Lạng Sơn | Thôn Nà Mạ, xã Hồng Phong, tỉnh Lạng Sơn | 219 | 26  | 88  | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất chuyên trồng lúa        |  | Không có tranh chấp |  |
|    |               |                                          |                                          | 219 | 28  | 124 | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất trồng cây hàng năm khác |  | Không có tranh chấp |  |
|    |               |                                          |                                          | 219 | 29  | 144 | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất trồng cây hàng năm khác |  | Không có tranh chấp |  |
|    |               |                                          |                                          | 219 | 30  | 122 | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất trồng cây hàng năm khác |  | Không có tranh chấp |  |
|    |               |                                          |                                          | 219 | 33  | 60  | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất chuyên trồng lúa        |  | Không có tranh chấp |  |
|    |               |                                          |                                          | 219 | 34  | 184 | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất chuyên trồng lúa        |  | Không có tranh chấp |  |
|    |               |                                          |                                          | 220 | 226 | 668 | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất chuyên trồng lúa        |  | Không có tranh chấp |  |
|    |               |                                          |                                          | 226 | 11  | 458 | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất chuyên trồng lúa        |  | Không có tranh chấp |  |
|    |               |                                          |                                          | 226 | 12  | 679 | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất chuyên trồng lúa        |  | Không có tranh chấp |  |
|    |               |                                          |                                          | 226 | 19  | 315 | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất chuyên trồng lúa        |  | Không có tranh chấp |  |
|    |               |                                          |                                          | 226 | 21  | 328 | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất chuyên trồng lúa        |  | Không có tranh chấp |  |
|    |               |                                          |                                          | 226 | 22  | 166 | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất trồng cây hàng năm khác |  | Không có tranh chấp |  |
|    |               |                                          |                                          | 226 | 33  | 138 | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất chuyên trồng lúa        |  | Không có tranh chấp |  |
|    |               |                                          |                                          | 226 | 41  | 377 | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất chuyên trồng lúa        |  | Không có tranh chấp |  |
|    |               |                                          |                                          | 226 | 42  | 152 | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất chuyên trồng lúa        |  | Không có tranh chấp |  |
|    |               |                                          |                                          | 226 | 90  | 72  | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất trồng cây hàng năm khác |  | Không có tranh chấp |  |
| 15 | Hoàng Văn Hữu | Thôn Nà Mạ, xã Hồng Phong, tỉnh Lạng Sơn | Thôn Nà Mạ, xã Hồng Phong, tỉnh Lạng Sơn | 191 | 101 | 200 | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất chuyên trồng lúa        |  | Không có tranh chấp |  |
|    |               |                                          |                                          | 191 | 90  | 109 | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất chuyên trồng lúa        |  | Không có tranh chấp |  |

|    |                |                                          |                                          |     |     |      |                |                |                       |  |                     |  |
|----|----------------|------------------------------------------|------------------------------------------|-----|-----|------|----------------|----------------|-----------------------|--|---------------------|--|
|    |                |                                          |                                          | 191 | 92  | 92   | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất chuyên trồng lúa  |  | Không có tranh chấp |  |
| 16 | Hứa Văn Mới    | Thôn Nà Ma, xã Hồng Phong, tỉnh Lạng Sơn | Thôn Nà Ma, xã Hồng Phong, tỉnh Lạng Sơn | 192 | 5   | 1067 | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất ở tại nông thôn   |  | Không có tranh chấp |  |
| 17 | Hoàng Văn Nháy | Thôn Nà Ma, xã Hồng Phong, tỉnh Lạng Sơn | Thôn Nà Ma, xã Hồng Phong, tỉnh Lạng Sơn | 192 | 28  | 840  | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất ở tại nông thôn   |  | Không có tranh chấp |  |
|    |                |                                          |                                          | 222 | 161 | 20   | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất trồng lúa còn lại |  | Không có tranh chấp |  |
|    |                |                                          |                                          | 222 | 193 | 88   | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất chuyên trồng lúa  |  | Không có tranh chấp |  |
| 18 | Hứa Văn Thông  | Thôn Nà Ma, xã Hồng Phong, tỉnh Lạng Sơn | Thôn Nà Ma, xã Hồng Phong, tỉnh Lạng Sơn | 240 | 182 | 71   | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất chuyên trồng lúa  |  | Không có tranh chấp |  |
|    |                |                                          |                                          | 240 | 183 | 112  | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất chuyên trồng lúa  |  | Không có tranh chấp |  |
|    |                |                                          |                                          | 240 | 185 | 11   | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất chuyên trồng lúa  |  | Không có tranh chấp |  |
|    |                |                                          |                                          | 240 | 186 | 105  | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất chuyên trồng lúa  |  | Không có tranh chấp |  |
|    |                |                                          |                                          | 240 | 187 | 108  | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất chuyên trồng lúa  |  | Không có tranh chấp |  |
|    |                |                                          |                                          | 240 | 206 | 107  | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất chuyên trồng lúa  |  | Không có tranh chấp |  |
|    |                |                                          |                                          | 240 | 207 | 125  | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất chuyên trồng lúa  |  | Không có tranh chấp |  |
|    |                |                                          |                                          | 240 | 237 | 274  | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất chuyên trồng lúa  |  | Không có tranh chấp |  |
|    |                |                                          |                                          | 240 | 238 | 409  | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất chuyên trồng lúa  |  | Không có tranh chấp |  |
|    |                |                                          |                                          | 240 | 239 | 423  | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất chuyên trồng lúa  |  | Không có tranh chấp |  |
|    |                |                                          |                                          | 240 | 250 | 186  | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất chuyên trồng lúa  |  | Không có tranh chấp |  |
|    |                |                                          |                                          | 240 | 251 | 638  | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất chuyên trồng lúa  |  | Không có tranh chấp |  |
|    |                |                                          |                                          | 240 | 263 | 411  | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất chuyên trồng lúa  |  | Không có tranh chấp |  |

|    |                |                                          |                                          |     |     |     |                |                |                             |          |                     |  |
|----|----------------|------------------------------------------|------------------------------------------|-----|-----|-----|----------------|----------------|-----------------------------|----------|---------------------|--|
|    |                |                                          |                                          | 240 | 281 | 400 | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất trồng cây hằng năm khác |          | Không có tranh chấp |  |
|    |                |                                          |                                          | 240 | 282 | 858 | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất chuyên trồng lúa        |          | Không có tranh chấp |  |
|    |                |                                          |                                          | 240 | 300 | 192 | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất chuyên trồng lúa        |          | Không có tranh chấp |  |
|    |                |                                          |                                          | 240 | 308 | 516 | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất chuyên trồng lúa        |          | Không có tranh chấp |  |
|    |                |                                          |                                          | 240 | 309 | 201 | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất chuyên trồng lúa        |          | Không có tranh chấp |  |
|    |                |                                          |                                          | 240 | 310 | 222 | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất chuyên trồng lúa        |          | Không có tranh chấp |  |
|    |                |                                          |                                          | 240 | 312 | 265 | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất chuyên trồng lúa        |          | Không có tranh chấp |  |
|    |                |                                          |                                          | 240 | 67  | 501 | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất ở tại nông thôn         | Năm 1979 | Không có tranh chấp |  |
|    |                |                                          |                                          | 240 | 79  | 27  | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất trồng cây hằng năm khác |          | Không có tranh chấp |  |
|    |                |                                          |                                          | 240 | 80  | 36  | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất trồng cây hằng năm khác |          | Không có tranh chấp |  |
|    |                |                                          |                                          | 240 | 81  | 158 | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất trồng cây hằng năm khác |          | Không có tranh chấp |  |
| 19 | Hứa Đỗ Thức    | Thôn Nà Mạ, xã Hồng Phong, tỉnh Lạng Sơn | Thôn Nà Mạ, xã Hồng Phong, tỉnh Lạng Sơn | 214 | 9   | 433 | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất trồng cây hằng năm khác |          | Không có tranh chấp |  |
| 20 | Hứa Văn Mau    | Thôn Nà Mạ, xã Hồng Phong, tỉnh Lạng Sơn | Thôn Nà Mạ, xã Hồng Phong, tỉnh Lạng Sơn | 214 | 27  | 71  | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất chuyên trồng lúa        |          | Không có tranh chấp |  |
| 21 | Hứa Văn Nghiêm | Thôn Nà Mạ, xã Hồng Phong, tỉnh Lạng Sơn | Thôn Nà Mạ, xã Hồng Phong, tỉnh Lạng Sơn | 210 | 33  | 276 | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất ở tại nông thôn         |          | Không có tranh chấp |  |
| 22 | Hứa Văn Khen   | Thôn Nà Mạ, xã Hồng Phong, tỉnh Lạng Sơn | Thôn Nà Mạ, xã Hồng Phong, tỉnh Lạng Sơn | 240 | 272 | 352 | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất ở tại nông thôn         |          | Không có tranh chấp |  |
|    |                |                                          | Thôn Nà Mạ, xã Hồng Phong, tỉnh Lạng Sơn | 240 | 301 | 45  | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất trồng lúa còn lại       |          | Không có tranh chấp |  |
|    |                |                                          | Thôn Nà Mạ, xã Hồng Phong, tỉnh Lạng Sơn | 240 | 314 | 35  | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất trồng lúa còn lại       |          | Không có tranh chấp |  |

|    |                      |                                          |                                          |     |     |     |                |                |                             |  |                     |  |
|----|----------------------|------------------------------------------|------------------------------------------|-----|-----|-----|----------------|----------------|-----------------------------|--|---------------------|--|
|    |                      |                                          | tỉnh Lạng Sơn                            |     |     |     |                |                |                             |  |                     |  |
| 23 | Hứa Văn Điện         | Thôn Nà Mạ, xã Hồng Phong, tỉnh Lạng Sơn | Thôn Nà Mạ, xã Hồng Phong, tỉnh Lạng Sơn | 223 | 155 | 93  | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất nuôi trồng thủy sản     |  | Không có tranh chấp |  |
|    |                      |                                          | Thôn Nà Mạ, xã Hồng Phong, tỉnh Lạng Sơn | 240 | 259 | 414 | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất chuyên trồng lúa        |  | Không có tranh chấp |  |
|    |                      |                                          | Thôn Nà Mạ, xã Hồng Phong, tỉnh Lạng Sơn | 240 | 260 | 239 | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất chuyên trồng lúa        |  | Không có tranh chấp |  |
|    |                      |                                          | Thôn Nà Mạ, xã Hồng Phong, tỉnh Lạng Sơn | 253 | 127 | 741 | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất trồng cây hằng năm khác |  | Không có tranh chấp |  |
|    |                      |                                          | Thôn Nà Mạ, xã Hồng Phong, tỉnh Lạng Sơn | 253 | 136 | 114 | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất nuôi trồng thủy sản     |  | Không có tranh chấp |  |
|    |                      |                                          | Thôn Nà Mạ, xã Hồng Phong, tỉnh Lạng Sơn | 254 | 1   | 83  | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất chuyên trồng lúa        |  | Không có tranh chấp |  |
| 24 | Hứa Văn Khánh        | Thôn Nà Mạ, xã Hồng Phong, tỉnh Lạng Sơn | Thôn Nà Mạ, xã Hồng Phong, tỉnh Lạng Sơn | 240 | 210 | 237 | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất trồng cây lâu năm       |  | Không có tranh chấp |  |
|    |                      |                                          | Thôn Nà Mạ, xã Hồng Phong, tỉnh Lạng Sơn | 240 | 212 | 153 | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất trồng cây hằng năm khác |  | Không có tranh chấp |  |
|    |                      |                                          | Thôn Nà Mạ, xã Hồng Phong, tỉnh Lạng Sơn | 240 | 240 | 113 | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất trồng cây hằng năm khác |  | Không có tranh chấp |  |
| 25 | Hoàng Thị Phương Lan | Thôn Nà Mạ, xã Hồng Phong, tỉnh Lạng Sơn | Thôn Nà Mạ, xã Hồng Phong, tỉnh Lạng Sơn | 182 | 75  | 496 | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất chuyên trồng lúa        |  | Không có tranh chấp |  |
| 26 | Lăng Thị Vinh        | Thôn Nà Mạ, xã Hồng Phong, tỉnh Lạng Sơn | Thôn Nà Mạ, xã Hồng Phong, tỉnh Lạng Sơn | 191 | 140 | 405 | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất trồng lúa còn lại       |  | Không có tranh chấp |  |
| 27 | Hứa Văn Tiến         | Thôn Nà Mạ, xã Hồng Phong, tỉnh Lạng Sơn | Thôn Nà Mạ, xã Hồng Phong, tỉnh Lạng Sơn | 182 | 77  | 647 | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất chuyên trồng lúa        |  | Không có tranh chấp |  |
|    |                      |                                          | Thôn Nà Mạ, xã Hồng Phong, tỉnh Lạng Sơn | 211 | 183 | 539 | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất chuyên trồng lúa        |  | Không có tranh chấp |  |

|  |  |  |                                          |     |     |     |                |                |                       |  |                     |
|--|--|--|------------------------------------------|-----|-----|-----|----------------|----------------|-----------------------|--|---------------------|
|  |  |  | tỉnh Lạng Sơn                            |     |     |     |                |                |                       |  |                     |
|  |  |  | Thôn Nà Mạ, xã Hồng Phong, tỉnh Lạng Sơn | 211 | 193 | 285 | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất trồng lúa còn lại |  | Không có tranh chấp |
|  |  |  | Thôn Nà Mạ, xã Hồng Phong, tỉnh Lạng Sơn | 211 | 204 | 141 | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất trồng lúa còn lại |  | Không có tranh chấp |